

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Đoàn Hùng.
- Địa chỉ: Xã Phú Lâm – Huyện Đoàn Hùng - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m³/ngđ. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 2.079 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- SôngChày.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 7 năm 2024.
- Người kiểm tra: Phí Thị Thu Hà.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Đoàn Hùng.

Mẫu 2: Bệnh viện đa khoa Hùng Vương – Chí Đám – XNCN Đoàn Hùng.

Mẫu 3: Vũ Thị Hải Yến –Phú Lâm - XNCN Đoàn Hùng.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,70	0,30	0,28	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,26	0,25	0,29	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,80	4,82	5,08	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,60	7,62	7,60	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Đoan Hùng, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Phí Thị Thu Hà.

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
- Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 80.000 m³/ngđ/ Tổng số HGD được cung cấp nước: 57.320 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2024.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyên.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp nước sạch Việt Trì.

Mẫu 2: Ông Hùng- Tân Xuân - Tân Dân - XNNS Việt Trì.

Mẫu 3: Bà Mên – Khu 2 – Bạch Hạc - XNNS Việt Trì.

Mẫu 4: Khu 1 – Dữu Lâu - XNNS Việt Trì.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá
							(đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,60	0,52	0,22	0,56	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,20	0,22	0,25	0,22	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,60	4,75	5,00	4,70	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,55	7,56	7,62	7,56	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Việt Trì, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyền

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp Cấp nước Trung Nghĩa
- Địa chỉ: Khu 1 - Đồng Trung - Thanh Thủy - Phú Thọ
- Công suất thiết kế: 7200 m³/ ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 9.630 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Đà
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2024
- Người kiểm tra: Lê Thị Minh Thoan.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Trung Nghĩa.

Mẫu 2: Ông Minh – khu 1 – Trung Nghĩa - XNCN Trung Nghĩa.

Mẫu 3: Ông Bình – Khu 11 – Tu Vũ - XNCN Trung Nghĩa.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng nước

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,54	0,47	0,48	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,20	0,24	0,25	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,50	4,80	4,82	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,43	7,40	7,46	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có) : Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Đồng Trung, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra



Lê Thị Minh Thoan.

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ - Cty CP cấp nước Phú Thọ
- Địa chỉ: Phố Cao Du - Phường Âu Cơ - Thị xã Phú Thọ - Phú Thọ
- Công suất thiết kế: 20.000 m³/ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 18.768 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông hồng
- Thời gian kiểm tra: Ngày 15 tháng 07 năm 2024
- Người kiểm tra: Nguyễn Đức Thắng
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa nước sạch - Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ

Mẫu 2: Trường mầm non Lê Đồng- XNCN Phú Thọ

Mẫu 3: Ông Thắng – Khu 1 – Hà Thạch- XNCN Phú Thọ.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3	Clo dư tự do (**) (mg/l)	0,65	0,50	0,21	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4	Độ đục (NTU)	0,32	0,34	0,36	2	Đạt
5	Màu sắc (TCU)	5,80	6,20	6,90	15	Đạt
6	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7	PH	7,82	7,86	7,90	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

-Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

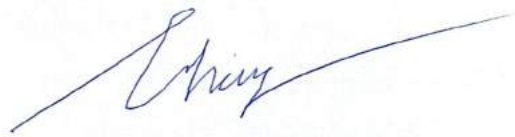
D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ:Không

Phú Thọ, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Đức Thắng

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Thủy.
- Địa chỉ: Khu 1- xã Xuân Lộc – huyện Thanh Thủy - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 16.000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 11.329 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Đà.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2024.
- Người kiểm tra: Lê Thị Hạnh.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
Mẫu 1: Bể chứa XNCN Thanh Thủy.
Mẫu 2: Công ty Takao Cranite Tam Nông - XNCN Thanh Thủy
Mẫu 3: Khu 4 – Hồng Đà - XNCN Thanh Thủy.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,68	0,42	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,23	0,26	0,25	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,60	5,20	5,00	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,30	7,38	7,35	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Thanh Thủy, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)

Hạnh

Lê Thị Hạnh

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.
- Địa chỉ: Khu Đông Viên – Thị trấn Cẩm Khê - Huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 18.000 m³/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 12.909 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2024.
- Người kiểm tra: Lê Thị Hoa Mai.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.

Mẫu 2: Nguyễn Văn Ngọc – Khu 7 – Phú Khê - XNCN Cẩm Khê.

Mẫu 3: Ông Quyền – Khu 3 – Yên Tập - XNCN Cẩm Khê.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,50	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,21	0,32	0,44	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,20	5,60	5,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,80	7,88	7,75	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Cẩm Khê, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Thị Hoa Mai

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

**BÁO CÁO****Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch**

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Yên Lập.
- Địa chỉ: Thôn Móc Thiều- Xã Thượng Long- Huyện Yên Lập- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 2.000 m³/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 1.318 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Hồ Ly.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2024.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyết Nhung.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Yên Lập.

Mẫu 2: Ông Tuyên – Tân An 4 - Thị trấn Yên Lập - XNCN Yên Lập.

Mẫu 3: Bà Thúy – Đồng Thịnh - XNCN Yên Lập.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,21	0,22	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,31	0,33	0,36	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,08	5,20	5,60	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,10	7,30	7,40	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Yên Lập, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Hạ Hòa.
- Địa chỉ: Khu 1- Thị trấn Hạ Hòa – Huyện Hạ Hòa - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m³/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 1.454 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2024.
- Người kiểm tra: Nguyễn Ngọc Hùng.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa tại xí nghiệp cấp nước Hạ Hòa.

Mẫu 2: Trạm y tế Thị Trấn Hạ Hòa- Khu 3 – TT Hạ Hòa - XNCN Hạ Hòa.

Mẫu 3: Ông Trần Đình Tuấn – Khu 4 - TT Hạ Hòa- XNCN Hạ Hòa.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,60	0,45	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,21	0,29	0,23	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,70	4,78	4,86	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,53	7,60	7,58	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
 - Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Hạ Hòa, ngày 15 tháng 7 năm 2024

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Ngọc Hùng

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tề Lễ
- Địa chỉ: Khu 1 – Xã Tề Lễ – Huyện Tam Nông - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 2000 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 542 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Bứa.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2024.
- Người kiểm tra: Lê Đức Quân.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Tề Lễ.
Mẫu 2: Ông Sơn – Khu 1 – Tề Lễ - XNCN Tề Lễ.
Mẫu 3: Ông Dững – Khu 5 –Tề Lễ - XNCN Tề Lễ.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số					
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,62	0,30	0,26	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,30	0,32	0,35	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,40	5,60	5,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,50	7,52	7,54	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

-Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ:Không

Tam Nông, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Đức Quân

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tân Sơn.
- Địa chỉ: Khu 4 – xã Tân Phú – huyện Tân Sơn - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 4.500 m³/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 4.575 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Bứa.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2024.
- Người kiểm tra: Hoàng Thị Thanh Xuân.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:
Mẫu 1: Bể chứa XNCN Tân Sơn.
Mẫu 2: Bưu điện Tân Sơn- XNCN Tân Sơn.
Mẫu 3: Trường mầm non Văn Lương – XNCN Tân Sơn.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,58	0,28	0,30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,24	0,25	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,50	4,80	4,88	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,42	7,46	7,50	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Tân Sơn, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hoàng Thị Thanh Xuân

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn
- Địa chỉ: Phố Hạ Sơn- Thị Trấn Thanh Sơn – Huyện Thanh Sơn- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m³/ngđ / Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 4.099 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Suối Dồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2024.
- Người kiểm tra: Trần Minh Đông.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn.

Mẫu 2: Trường tiểu học Nguyễn Bá Ngọc – Phố 19/5- XNCN Thanh Sơn.

Mẫu 3: Bà Loan Đức – Phố Tân Thịnh - XNCN Thanh Sơn.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,48	0,35	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,32	0,35	0,36	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,60	5,80	6,10	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,40	7,48	7,50	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Thanh Sơn, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Minh Đông

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.
- Địa chỉ: Khu 10 - Thị Trấn Phong Châu – Huyện Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 15.000 m³/ngày / Tổng số HGD được cung cấp nước: 15.831 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 7 năm 2024.
- Người kiểm tra: Hà Thị Mai
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.

Mẫu 2: Ông Giang – Khu Bãi Thoi – TT Phong Châu – XNCN Phù Ninh.

Mẫu 3: Ông Dũng – Khu 5 – Hạ Giáp – XNCN Phù Ninh.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá
						(đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,65	0,25	0,25	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,27	0,30	0,35	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,60	5,80	5,70	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,20	7,24	7,30	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Phù Ninh, ngày 15 tháng 07 năm 2024

Người kiểm tra

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Thị Mai

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba
- Địa chỉ: Khu 11- Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 6000 m³/ngđ. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 9.508 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 07 năm 2024
- Người kiểm tra: Phạm Quang Ngọc
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa Trạm Phương Lĩnh – XNCN Thanh Ba.

Mẫu 2: Trường tiểu học thị trấn Thanh Ba – XNCN Thanh Ba.

Mẫu 3: Ông Việt – khu 3 – Đồng Xuân - XNCN Thanh Ba.

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số					
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,60	0,40	0,50	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,19	0,24	0,21	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,80	5,42	5,20	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,71	7,79	7,75	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (**) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có): Không

Đ. ĐỀ NGHỊ: Không

Thanh Ba, ngày 15 tháng 07 năm 2024

NGƯỜI KIỂM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Quang Ngọc